

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ HẰNG NGA

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG
CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU –
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành : Tài chính Ngân hàng

Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. VÕ THỊ THÚY ANH**

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Hòa Nhân

Phản biện 2: TS. Lê Công Toàn

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 1 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh có vai trò quan trọng và mang lại nguồn thu nhập lớn cho NHTM. Tuy nhiên, nó luôn gắn liền với rủi ro nên đòi hỏi công tác quản trị RRTD cần được chú trọng để giảm thiểu tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra. Trong các nội dung của Quản trị rủi ro tín dụng thì hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng đóng vai trò quan trọng. Đây cũng là hoạt động mà ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Đà Nẵng quan tâm hàng đầu và luôn muốn hoàn thiện trong quá trình hoạt động. Xuất phát từ thực tế trên, tôi đã chọn đề tài để nghiên cứu làm luận văn Thạc sĩ là **“Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng”**.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.
- Phân tích và đánh giá thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại ACB Đà Nẵng trong thời gian tới.

3. Câu hỏi nghiên cứu

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2013.

5. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên nền tảng lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng như là một khâu của quản trị rủi ro tín dụng và kế thừa các nghiên cứu khác; từ đó vận dụng vào trường hợp tại ACB Đà Nẵng.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu này góp phần giúp cho ACB Đà Nẵng kiểm soát được rủi ro tín dụng và giảm thiểu những tổn thất xảy ra.

7. Bố cục của luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Đà Nẵng.

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Nguyễn Bá Phương (2013), *Kiểm soát và tài trợ RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại VPBank Đà Nẵng.*

Thái Anh Tuấn (2013), *Quản trị RRTD đối với KHDN tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng.*

Hoàng Trọng Anh Tuấn (2013), *Quản trị rủi ro tín dụng đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng.*

Lê Việt Mười (2013), *Kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng.*

Lê Hồng Tuấn (2013), *Quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – CN Khánh Hòa.*

Đào Thị Thanh Thủy (2013), *Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Vietinbank Bắc Đà Nẵng.*

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp

1.1.2. Khái niệm cho vay doanh nghiệp của NHTM

Cho vay doanh nghiệp là một hình thức cấp tín dụng, theo đó NHTM giao hoặc cam kết giao cho doanh nghiệp một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc hoàn trả cả gốc và lãi.

1.1.3. Phân loại cho vay doanh nghiệp của NHTM

a. Theo thời hạn cho vay

b. Theo mục đích sử dụng vốn của doanh nghiệp vay vốn

c. Theo hình thức đảm bảo tiền vay

d. Theo phương thức cho vay

1.1.4. Đặc điểm và vai trò cho vay doanh nghiệp của NHTM

a. Đặc điểm của cho vay doanh nghiệp

- Vay vốn phục vụ hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Đối tượng cho vay doanh nghiệp là tất cả các DN hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp rất đa dạng.
- Quy mô các khoản vay doanh nghiệp lớn.
- Công tác thẩm định và kiểm soát rủi ro trong quá trình cho vay doanh nghiệp khá phức tạp.

b. Vai trò của cho vay doanh nghiệp

1.2. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

Rủi ro tín dụng trong CVDN là khả năng xảy ra tổn thất đối với khoản nợ vay của DN tại NHTM do DN vay vốn không thực hiện đúng hạn hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình theo cam kết.

1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

a. Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro tín dụng

Rủi ro giao dịch: Là loại RRTD phát sinh do các hạn chế trong quá trình giao dịch và xét duyệt vay, đánh giá DN.

Rủi ro danh mục: Là loại RRTD phát sinh do những hạn chế trong quản lý danh mục cho vay của NH.

b. Căn cứ vào tính chất của rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng đặc thù: Là RRTD của một DN vay cụ thể phát sinh do những kiểu đặc thù của RR dự án mà DN vay thực hiện.

Rủi ro tín dụng hệ thống: Là RRTD phát sinh do bối cảnh chung của nền kinh tế hoặc những điều kiện vĩ mô tác động lên toàn bộ các DN vay.

c. Căn cứ vào tính chất chủ quan và khách quan của nguyên nhân gây ra rủi ro

Rủi ro tín dụng khách quan: Là rủi ro do các nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch bệnh, tai nạn... làm thất thoát vốn trong khi DN vay đã thực hiện nghiêm túc các chế độ, quy định.

Rủi ro tín dụng chủ quan: Là rủi ro do nguyên nhân chủ quan của DN vay, NHTM hay lý do chủ quan khác làm thất thoát vốn.

1.2.3. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

- a. Nguyên nhân từ phía doanh nghiệp vay*
- b. Nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay*
- c. Nguyên nhân từ môi trường kinh doanh*

1.2.4. Tác động của rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

- a. Đối với ngân hàng*
- b. Đối với hệ thống ngân hàng*
- c. Đối với nền kinh tế*

1.2.5. Quản trị rủi ro tín dụng trong CVDN của NHTM

- a. Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng trong CVDN*
- b. Nội dung quản trị rủi ro tín dụng trong CVDN*

Quản trị RRTD trong cho vay DN gồm bốn nội dung: Nhận diện; đánh giá; kiểm soát và tài trợ RR. Trong đó, bước “*kiểm soát rủi ro tín dụng*” có vai trò quan trọng và là bước có nhiều vấn đề cần được giải quyết trong cho vay nói chung và cho vay DN nói riêng.

1.3. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1. Khái niệm và đặc điểm kiểm soát rủi ro tín dụng

- a. Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng trong CVDN*

Là việc NH sử dụng những kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm biến đổi RRTD trong CVDN thông qua việc né tránh, ngăn ngừa, giảm thiểu, chuyển giao, phân tán và chấp nhận rủi ro để kiểm soát tần suất và mức độ của rủi ro.

- b. Mục đích và yêu cầu của kiểm soát rủi ro tín dụng*

1.3.2. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

a. Né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Né tránh RRTD là né tránh những hoạt động làm phát sinh tổn thất do DN vay vốn không trả nợ đúng hạn như đã cam kết.

- *Từ chối cho vay*: Dựa vào hệ thống xếp hạng TD nội bộ đối với DN, NHTM sẽ từ chối cho vay đối với các DN không đủ điều kiện vay vốn, không đáp ứng được các tiêu chuẩn cho vay của NH.

- *Giới hạn tín dụng trên một doanh nghiệp*

- *Giới hạn tín dụng theo ngành hoặc lĩnh vực*

b. Ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Ngăn ngừa RRTD là việc các NHTM thực hiện các hoạt động nhằm ngăn cản khả năng xảy ra RRTD trong cho vay DN nhằm giảm thiểu tổn thất cho NH.

- *Thực thi quy trình cho vay chặt chẽ và thường xuyên thực hiện kiểm tra trước, trong và sau cho vay.*

- *Áp dụng các điều khoản trong nội dung hợp đồng tín dụng*: Vì sau giải ngân, doanh nghiệp vay vốn là người nắm vai trò chủ động trong việc trả nợ. Do đó, NH phải soạn thảo hợp đồng tín dụng một cách cẩn trọng, đảm bảo các điều kiện pháp lý chặt chẽ thuận lợi cho NH trong việc thu hồi nợ.

c. Giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Giảm thiểu RRTD là việc chủ động giảm mức độ thiệt hại cũng như tổn thất do rủi ro mang lại nếu như rủi ro xảy ra.

- *Định giá khoản vay có phần bù rủi ro*: Phần bù rủi ro được áp dụng tùy theo mức độ RR mà DN đạt được theo hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng của NH. Lãi suất cho vay theo mức RRTD nhằm giúp cho NHTM bù rủi ro tín dụng và tạo động lực cho DN vay

vốn luôn phần đầu nâng cao năng lực tài chính, trình độ quản lý để được NHTM nâng hạng tín dụng.

- *Áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay*: Đối với tài sản đảm bảo tiền vay cần được định giá đúng giá thị trường; chọn lọc tài sản đảm bảo phải có tính thanh khoản; định kỳ NHTM phải kiểm tra, định giá lại TSĐB để tránh trường hợp mất mát, xuống giá...

- *Trích lập dự phòng rủi ro*: Đây là hình thức được xem là tự bảo hiểm rủi ro của NHTM.

d. Chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Chuyển giao rủi ro là chuyển giao tài sản và hoạt động có rủi ro đến một người hoặc một nhóm người khác.

- *Mua bảo hiểm tín dụng*: Là một biện pháp góp phần chuyển giao rủi ro cho công ty bảo hiểm. Các NHTM thường yêu cầu hoặc khuyến khích các DN mua bảo hiểm cho các tài sản hình thành từ vốn vay hoặc tài sản đảm bảo vốn vay.

- *Bán nợ*: Trong quá trình giám sát khoản vay, NHTM thấy món vay đã giải ngân có dấu hiệu RRTD và được đánh giá có khả năng xảy ra tổn thất hoặc khoản vay đó làm cho danh mục cho vay của NH rủi ro hơn thì NHTM sẽ tiến hành việc bán nợ.

- *Yêu cầu DN có bảo lãnh của bên thứ ba*: Trong hoạt động cho vay DN, để tạo ra thêm cá nhân, tổ chức gánh chịu trách nhiệm trả nợ vay ngoài DN vay vốn, NHTM thường có yêu cầu DN vay vốn phải có sự bảo lãnh của bên thứ ba.

- *Chứng khoán hóa khoản vay*: Là quá trình NHTM phát hành các chứng khoán nợ thông qua việc bán các tài sản sinh lời chưa đến hạn. Khi đó, NH đã chuyển rủi ro sang các nhà đầu tư trái phiếu, trong trường hợp này là chúng ta đang nói đến những khoản vay tốt.

e. Phân tán rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Là việc ngân hàng đa dạng hóa danh mục cho vay nhằm phân tán hoặc trung hòa các rủi ro đặc thù của khoản vay.

- *Đa dạng sản phẩm và đối tượng cho vay*: NHTM cho vay với nhiều loại sản phẩm, nhiều đối tượng DN, không tập trung cho vay vào một loại sản phẩm, một nhóm đối tượng DN hay tập trung vào một số ít ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, hình thức cấp vốn để phân tán và trung hòa rủi ro.

- *Thực hiện cho vay đồng tài trợ*: Cho vay đồng tài trợ là hình thức các NHTM cùng cho vay một dự án, cùng chia sẻ RRTD trong cho vay DN. Phương thức này được sử dụng nhằm phân tán rủi ro về quy mô đối với các dự án hay các DN lớn và giúp cho NHTM giới hạn mức RRTD và tổn thất trong khả năng tài chính của mình.

f. Chấp nhận rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Trong cho vay DN, NH có thể chấp nhận RRTD ở một mức nhất định mà không thực hiện hành động cụ thể nào để giảm hoặc chuyển giao rủi ro vì NH đang cân nhắc đến mối quan hệ giữa lợi ích nhận được và chi phí bỏ ra.

1.3.3. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM

a. Tỷ lệ nợ cho vay DN từ nhóm 2 đến nhóm 5 so với tổng dư nợ

b. Tỷ lệ nợ xấu cho vay doanh nghiệp

c. Biến động trong cơ cấu nợ xấu cho vay doanh nghiệp

d. Nợ xấu cho vay doanh nghiệp mới phát sinh trong kỳ

e. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

f. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay doanh nghiệp

1.3.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM

a. Nhân tố bên trong NHTM

- Hệ thống thông tin đánh giá DN và kiểm soát RRTD của NH
- Trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của CBTD.
- Mục tiêu, chiến lược kinh doanh của NH.
- Hệ thống máy móc, trang thiết bị, công nghệ ngân hàng.

b. Nhân tố bên ngoài NHTM

b1. Nhân tố thuộc về khách hàng

Khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ, năng lực quản lý kinh doanh kém, tình hình tài chính của doanh nghiệp thiếu minh bạch.

b2. Nhân tố bên ngoài khác

- Môi trường kinh tế không ổn định, môi trường pháp lý chưa thuận lợi, môi trường tự nhiên biến động.
- Sự biến động của thị trường thế giới.
- Sự thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát.
- Hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát của NHNN chưa cao.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển ACB Đà Nẵng

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của ACB Đà Nẵng

2.1.3. Bộ máy tổ chức của ACB Đà Nẵng

2.1.4. Bối cảnh kinh doanh của ACB Đà Nẵng

a. Bối cảnh bên ngoài

b. Bối cảnh bên trong

- *Về nhân lực*

- *Về trang thiết bị*

- *Về chiến lược kinh doanh:* Giai đoạn 2011 – 2013, ACB Đà Nẵng tập trung phát triển hoạt động NHTM đa năng với các phân đoạn KH mục tiêu, nâng cao năng lực cạnh tranh của chi nhánh để tăng cường vị thế trên địa bàn.

- *Về tình hình hoạt động kinh doanh:*

Qua bảng 2.1, ta thấy tình hình huy động vốn cũng như hoạt động tín dụng tại NH phát triển không ổn định, giảm mạnh ở năm 2012 và có chiều hướng tăng trở lại vào năm 2013. Do đó, chênh lệch thu chi tại NH năm 2012 giảm mạnh (77%). Tình trạng này là do hệ thống NH ACB có biến động lớn về nhân sự trong năm 2012. Tuy nhiên, với năng lực quản lý đầy kinh nghiệm, NH đã vượt qua giai đoạn khó khăn và từng bước phát triển trở lại.

2.2. TÌNH HÌNH CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG QUA BA NĂM 2011 - 2013

Qua bảng 2.2, ta thấy tỷ trọng dư nợ CVDN tại ACB Đà Nẵng trong ba năm luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ cho vay (trên 50%), tuy nhiên do ảnh hưởng chung của tình hình hoạt động kinh doanh nên mức dư nợ CVDN giảm xuống trong năm 2012 và tăng trở lại trong năm 2013. Qua số liệu về nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu cho vay DN, ta nhận thấy rằng chất lượng tín dụng DN tại NH chưa được đảm bảo. Mặc dù mức nợ xấu tại chi nhánh vẫn nằm trong giới hạn kiểm soát tuy nhiên đây cũng là vấn đề mà chi nhánh cần giải quyết triệt để giúp tăng hiệu quả trong hoạt động tín dụng.

2.3. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG TỪ 2011 - 2013

2.3.1. Các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng

a. Biện pháp né tránh RRTD tại ACB Đà Nẵng

**** Từ chối cho vay***

- Chi nhánh chủ động từ chối cho vay đối với những doanh nghiệp không đảm bảo tiêu chuẩn vay vốn. Tiêu chuẩn, điều kiện cấp tín dụng đối với khách hàng DN tại ACB Đà Nẵng tuân thủ theo quy định của ACB Hội sở, được thể hiện ở bảng 2.3.

Nhìn chung, việc từ chối cho vay của chi nhánh có các tiêu chí rõ ràng, do đó dễ dàng cho CBTD chủ động tìm kiếm, lựa chọn và loại bỏ DN vay vốn. Tiêu chí sàng lọc được xây dựng một cách khoa học và giúp cho chi nhánh né tránh được những rủi ro trong thời gian qua.

** Giới hạn tín dụng trên một doanh nghiệp vay vốn*

Việc xác định giới hạn tín dụng đối với DN vay vốn được thực hiện định kỳ hàng năm có ưu điểm giúp cho ACB Đà Nẵng đánh giá lại mức độ chính xác của giới hạn tín dụng, xác định lại giới hạn tín dụng cho phù hợp với tình hình kinh doanh của DN. Tuy nhiên, thời gian xác định giới hạn tín dụng dài dẫn đến giới hạn tín dụng không sát với nhu cầu vốn kinh doanh của DN.

** Giới hạn tín dụng theo ngành hoặc lĩnh vực*

+ Đối với các ngành, lĩnh vực kinh doanh thì ACB Đà Nẵng chưa đưa ra GHTD mà chỉ hạn chế cho vay đối với những ngành, lĩnh vực kinh doanh được xếp vào mức có RRTD cao bằng cách đưa ra mức lãi suất sàn cho vay. Tuy nhiên, việc đưa ra mức lãi suất sàn như trên cũng không đem lại hiệu quả trong thời gian qua.

b. Biện pháp ngăn ngừa RRTD CVDN tại ACB Đà Nẵng

** Thực thi quy trình cho vay chặt chẽ, chú trọng công tác thẩm định tín dụng và thường xuyên kiểm tra trước, trong và sau cho vay*

- Quy trình cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng (bảng 2.4) khá chặt chẽ, thực hiện qua nhiều phòng ban tạo tính khách quan trong việc ra quyết định cho vay cũng như kiểm tra giám sát chất lượng tín dụng, kiểm soát RRTD. Tuy nhiên thời gian qua tại chi nhánh việc tuân thủ quy trình chưa được thực hiện nghiêm túc.

- ACB Đà Nẵng rất chú trọng đến công tác thẩm định tín dụng. Chi nhánh có bộ phận thẩm định riêng, chuyên thu thập các thông tin đáng tin cậy của DN vay vốn để tìm ra DN vay tốt, có uy tín. Tuy nhiên, việc chỉ dựa trên thông tin cán bộ thẩm định thu thập được là chưa đầy đủ.

- ACB Đà Nẵng chỉ đạo việc kiểm tra giám sát chặt chẽ xuyên suốt quá trình vay vốn của DN từ lúc nhận hồ sơ đề nghị vay vốn

cho đến khi DN trả hết nợ cho NH nhằm hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Tuy nhiên công việc này chưa được chi nhánh thực hiện triệt để.

** Áp dụng các điều khoản trong nội dung hợp đồng tín dụng*

ACB Đà Nẵng tiến hành soạn thảo hợp đồng tín dụng một cách cẩn trọng, đảm bảo các điều kiện pháp lý chặt chẽ, thuận lợi cho chi nhánh trong việc thu hồi nợ.

- Khi ACB Đà Nẵng phát hiện các tình trạng yếu kém về khả năng trả nợ của DN, CBTD chủ động tìm cách xử lý khoản vay thông qua thương lượng, nếu không thương lượng được có thể tiến hành kiện nợ.

c. Biện pháp giảm thiểu RRTD CVDN tại ACB Đà Nẵng

** Đánh giá khoản vay có phân bù rủi ro*

- Cho vay là hình thức cấp tín dụng có mức độ rủi ro cao nhất vì vậy định giá khoản vay sẽ là yếu tố chi phí dự phòng để bù cho rủi ro chưa được tính toán khi đưa vào mức lãi suất cho vay áp dụng cho từng đối tượng DN vay vốn với mức độ rủi ro khác nhau.

** Áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay*

Hiện tại các khoản vay tại ACB Đà Nẵng đều thực hiện cho vay có TSDB là chủ yếu. Với phương pháp định giá khoa học theo giá trị thị trường và giá trị sổ sách nhằm hạn chế thấp nhất sự trượt giá TSDB nhằm giảm thiểu tổn thất khi xảy ra RRTD.

Tuy nhiên việc định giá lại tài sản đảm bảo, ACB Đà Nẵng tổ chức định giá lại tài sản đảm bảo định kỳ 12 tháng/lần dẫn đến có trường hợp DN đã thực hiện bán tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị mà cán bộ tín dụng không biết. Do đó, hiệu quả của việc này chưa cao, chưa phù hợp với tình hình biến động thị trường bất động sản như hiện nay, giá trị tài sản đảm bảo sẽ không được định giá kịp thời và chênh lệch so với giá thị trường.

** Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro*

Việc trích dự phòng rủi ro tại ACB Đà Nẵng được thực hiện hàng quý, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo. Dự phòng chung và dự phòng cụ thể được hạch toán vào chi phí hoạt động của chi nhánh. Chi nhánh trích mức dự phòng chung cho dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 với tỷ lệ 0.75%.

d. Biện pháp chuyển giao RRTD CVDN tại ACB Đà Nẵng

** Mua bảo hiểm tín dụng*

Hiện tại ACB Đà Nẵng thực hiện biện pháp bắt buộc DN vay vốn mua bảo hiểm tài sản đối với các khoản cho vay đặc thù có tính rủi ro trong quá trình vận hành sử dụng tài sản như bảo hiểm vật chất xe ô tô, bảo hiểm cháy nổ đối với DN vay vốn kinh doanh xăng dầu,... và khuyến khích các DN vay vốn tham gia mua bảo hiểm cho các sản phẩm vay vốn khác theo chương trình liên kết với các công ty bảo hiểm tại chi nhánh.

** Bán nợ*

Đối với một số khoản nợ trong cho vay DN đã bị quá hạn, ACB Đà Nẵng có thể tiến hành thực hiện việc bán nợ. Việc bán nợ tại ACB Đà Nẵng được thực hiện theo hình thức bán nợ miễn truy đòi nên không phải thực hiện trích lập dự phòng cho khoản nợ bán này vì RR đã được chuyển toàn bộ sang cho bên mua nợ.

** Yêu cầu DN có bảo lãnh của bên thứ ba*

Đặc thù TSĐB của DN vay vốn tại ACB Đà Nẵng hầu hết là máy móc thiết bị, trụ sở cơ quan làm việc,... không đủ để đảm bảo cho dư nợ vay vốn của DN tại chi nhánh. Do đó, chi nhánh thường yêu cầu DN phải được sự bảo lãnh của cá nhân hoặc tổ chức đứng ra dùng tài sản để bảo lãnh cho DN.

e. Biện pháp phân tán RRTD trong CVDN tại ACB Đà Nẵng

Kiểm soát rủi ro bằng việc đa dạng hóa trong cho vay là một trong những giải pháp nhằm phân tán rủi ro trong cho vay doanh nghiệp mà chi nhánh áp dụng thời gian qua. ACB Đà Nẵng tung ra nhiều sản phẩm tín dụng hấp dẫn, linh hoạt, phù hợp với từng vùng, từng lĩnh vực kinh doanh, từng loại hình DN cụ thể, chi nhánh đã cải thiện tình hình và nâng cao hiệu quả kinh doanh với tốc độ nhanh.

f. Biện pháp chấp nhận RRTD CVDN tại ACB Đà Nẵng

RRTD mang tính tất yếu, không thể loại bỏ hoàn toàn. ACB Đà Nẵng luôn đánh giá các cơ hội kinh doanh dựa trên mối quan hệ rủi ro – lợi ích để tìm kiếm những cơ hội đạt được những lợi ích xứng đáng với mức rủi ro chấp nhận. Trong thời gian qua, ACB Đà Nẵng luôn kiểm soát RRTD ở mức chấp nhận được với mức tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Như vậy, ta thấy mức rủi ro mà chi nhánh gánh chịu là hợp lý, kiểm soát được và nằm trong phạm vi cho phép về nguồn lực tài chính, năng lực tín dụng và mặt pháp lý.

2.3.2. Kết quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng trong ba năm 2011-2013

a. Tỷ lệ nợ CVDN từ nhóm 2 đến nhóm 5 so với tổng dư nợ

b. Tỷ lệ nợ xấu cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.8: Tỷ lệ nợ xấu cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Dư nợ cho vay DN	904.62	776.44	897.62
- Nợ xấu CVDN	8.15	17.47	19.12
- Tỷ lệ nợ xấu CVDN (%)	0.90	2.25	2.13

Nguồn: P. Khách hàng doanh nghiệp

Qua bảng 2.8 cho ta thấy, tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh trong năm 2012, từ 0.90% tăng đến 2.25%. Mặc dù sang năm 2013 có giảm xuống nhưng không nhiều. Qua đó ta thấy tình hình RRTD tại ACB Đà Nẵng mặc dù có thay đổi theo chiều hướng tốt dần lên nhưng vẫn rất đáng lo ngại. Điều đó cũng cho thấy công tác kiểm soát RRTD tại chi nhánh cần được đầu tư hơn nữa.

c. Cơ cấu nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.9: Cơ cấu nợ xấu cho vay doanh nghiệp tại ACB Đà Nẵng

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)
Nợ xấu CVDN	8.15	100	17.47	100	19.12	100
- Nợ nhóm 3	3.16	38.77	6.38	36.52	6.08	31.80
- Nợ nhóm 4	1.97	24.17	5.90	33.77	7.92	41.42
- Nợ nhóm 5	3.02	37.06	5.19	29.71	5.12	26.78

Nguồn: P. Khách hàng doanh nghiệp

Theo dõi cơ cấu nợ xấu ở bảng 2.9, ta thấy tỷ trọng của ba nhóm nợ không chênh lệch nhau nhiều. Trong đó, nợ nhóm 5 – nợ nguy hiểm nhất trong dư nợ xấu lại có xu hướng giảm dần tỷ trọng. Đây là dấu hiệu cho thấy sự cải thiện đáng kể trong công tác thu hồi nợ, sự kiểm soát chặt chẽ trong tăng trưởng tín dụng đối với KHDN.

d. Nợ xấu cho vay DN mới phát sinh trong kỳ

- Năm 2011 và 2013 nợ xấu CVDN chủ yếu là do nợ xấu cuối kỳ trước chuyển qua, riêng năm 2012 thì nợ xấu mới phát sinh khá nhiều, tăng so với năm 2011 một tỷ lệ rất cao (hơn 200%).

- Trong 3 năm qua ACB Đà Nẵng cũng tích cực thực hiện các biện pháp để giảm nợ xấu, trong đó chủ yếu là giảm từ việc thu nợ

của DN. Ngoài ra, chi nhánh cũng sử dụng các biện pháp xử lý RR như bán nợ, thanh lý TSDB và dùng từ nguồn trích lập dự phòng.

d. Tỷ lệ trích lập DPRR trong cho vay doanh nghiệp

e. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay doanh nghiệp

2.4. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.4.1. Những kết quả đạt được

- Chi nhánh thực hiện tốt việc đa dạng hóa sản phẩm tín dụng, đối tượng doanh nghiệp vay vốn, phương thức cho vay giúp phân tán rủi ro trong quá trình cấp tín dụng và từ đó hạn chế được rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp.

- Chính sách tín dụng tại chi nhánh rõ ràng, phù hợp với nhiều đối tượng DN vay vốn, tiêu chuẩn điều kiện cấp tín dụng khá rõ ràng luôn hỗ trợ tốt cho công tác kiểm soát RRTD tại chi nhánh.

- NH đưa ra quy trình cho vay khá chặt chẽ, công tác thẩm định luôn được chú trọng, phát huy tối đa vai trò của biện pháp bảo đảm tiền vay, trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định,... giúp cho việc kiểm soát RRTD được thực hiện hiệu quả trong thời gian qua.

2.4.2. Những mặt còn tồn tại

- Tỷ lệ nợ xấu, trích lập dự phòng, xóa nợ rỗng tăng lên rất cao trong năm 2012 và chỉ giảm nhẹ ở năm 2013. Nợ xấu mới phát sinh trong kỳ vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng nợ xấu, đặc biệt là năm 2012.

- Việc thực hiện quy trình cho vay chưa được quán triệt thực hiện nghiêm túc đối với tất cả các đối tượng khách hàng.

- Việc trích lập DPRR thời gian qua chưa phù hợp với mức độ RR thực tế tại chi nhánh. Hơn nữa, vẫn có khoản nợ bị xóa và phải

dùng đến các khoản trích lập DPRR để bù đắp rủi ro tín dụng trong thời gian qua.

- Chi nhánh chưa đưa ra hạn mức tín dụng đối với các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có mức độ RRTD cao. Bên cạnh đó, việc thực hiện mua bảo hiểm tín dụng chưa được thực hiện triệt để, chỉ thực hiện ở một số khoản vay có tính chất rủi ro đặc thù.

- Việc định giá và định giá lại tài sản đảm bảo chưa đúng với giá thị trường do nguồn thông tin dùng để định giá chưa tin cậy, thời gian định kỳ đánh giá dài, không phản ánh kịp thời rủi ro.

2.4.3. Nguyên nhân của những vấn đề còn tồn tại

• Nguyên nhân khách quan:

- Những tác động bất lợi từ nền kinh tế trong thời gian qua.
- Môi trường thông tin còn hạn chế dẫn đến tình trạng thông tin bất cân xứng gây rủi ro cho ngân hàng.
- Các công cụ thực thi như thanh tra thuế, kiểm toán chưa thực sự hoạt động hiệu quả trong việc kiểm soát tài chính của DN.
- Do sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt dẫn đến tình trạng quan tâm đến số lượng nhiều hơn là chất lượng.
- Việc thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế, thời gian thụ lý và thi hành đối các vụ kiện về thu hồi nợ cũng như tài sản đảm bảo kéo dài và phải có sự phối hợp của nhiều ban ngành.
- Thiếu những quy định hướng dẫn về hoạt động phái sinh tín dụng để hỗ trợ cho các biện pháp chuyển giao rủi ro.

• Nguyên nhân chủ quan

- Công tác quản lý điều hành tại cấp phòng còn nhiều bất cập.
- Nhiều trường hợp CBTD thực hiện không chuẩn xác quy trình cho vay, công tác thẩm định tín dụng cũng như không kiểm soát được bản thân, không có trách nhiệm với công việc để xảy ra rủi

ro đạo đức, dẫn đến gây ra rủi ro cho trong hoạt động tín dụng cho chi nhánh.

- CBTD không thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá định kỳ KH để cập nhật thông tin để cho RR có cơ hội xảy ra.

- Khối lượng công việc của cán bộ tín dụng xử lý hàng ngày quá lớn.

- Việc giám sát tín dụng của ACB Đà Nẵng chủ yếu tập trung vào từng khoản tín dụng mà chưa có hệ thống theo dõi cơ cấu và chất lượng tổng thể danh mục đầu tư tín dụng.

- Bộ chỉ tiêu chấm điểm xếp hạng chung chung, không có sự phân biệt trong từng tiêu chí; bị chi phối bởi ý muốn chủ quan trong quá trình chấm điểm.

- NH không thường xuyên đánh giá lại DN vay vốn để kiểm tra lại mức độ rủi ro mà chỉ căn cứ vào việc chấm điểm xếp hạng lần đầu nên việc thực hiện trích lập dự phòng rủi ro chưa phù hợp.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỤC TIÊU KIỂM SOÁT RRTD TRONG CVDN CỦA ACB ĐÀ NẴNG

3.1.1. Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của ACB Đà Nẵng trong giai đoạn tới

3.1.2. Định hướng phát triển và mục tiêu hạn chế rủi ro tín dụng trong CVDN tại ACB Đà Nẵng trong thời gian tới

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CVDN TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.2.1. Nhóm giải pháp né tránh rủi ro tín dụng

Trong quá trình tiếp nhận và thẩm định nếu chi nhánh phát hiện rủi ro quá lớn, mức độ nghiêm trọng và khả năng xảy ra rủi ro là rất lớn hoặc chắc chắn xảy ra hoặc nằm ngoài tầm kiểm soát thì chi nhánh cần áp dụng triệt để các biện pháp né tránh, từ chối cho vay. Như vậy sẽ giúp cho ACB Đà Nẵng nâng cao được chất lượng tín dụng, tránh lãng phí, thất thoát vốn nếu cứ tiến hành cho vay bằng mọi giá.

3.2.2. Nhóm giải pháp ngăn ngừa rủi ro tín dụng

*** Hoàn thiện công tác tổ chức cho vay doanh nghiệp**

- Muốn cho vay đảm bảo được an toàn, ngân hàng phải nắm đầy đủ các thông tin về khách hàng để xem xét và quyết định cho vay và giám sát sau khi cho vay.

- Việc kiểm tra sau cho vay phải được thực hiện thường xuyên

theo định kỳ (theo quý) trong suốt quá trình giải ngân khoản vay, tránh trường hợp CBTD chỉ thực hiện công việc đó đối với những đối tượng DNVV phát hiện có dấu hiệu chậm trễ trong việc trả nợ.

- Khi trích lập dự phòng RRTD doanh nghiệp, ngân hàng cần yêu cầu CBTD thường xuyên đánh giá lại DN (3 tháng/1 lần).

*** Chú trọng chất lượng công tác thẩm định tín dụng**

ACB Đà Nẵng đề nghị bộ phận tín dụng, thẩm định và xử lý nợ có vấn đề phải luôn theo sát thông tin của KH để có các ứng xử tín dụng hợp lý và kịp thời. Chi nhánh cần yêu cầu CBTD tuyệt đối không giảm bớt điều kiện cấp tín dụng khi chuyển hồ sơ sang bộ phận thẩm định tín dụng và Cán bộ thẩm định không được tự giảm bớt điều kiện trong khi thẩm định tín dụng.

3.2.3. Nhóm giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

❖ *Nghiêm chỉnh chấp hành quy chế đảm bảo tiền vay*

Thứ nhất, giá của TSĐB phải được định giá chính xác, đúng với giá thị trường của tài sản. Thứ hai, ACB Đà Nẵng cần quan tâm hơn nữa đến việc định giá lại tài sản đảm bảo để có những điều chỉnh kịp thời đối với những tài sản giảm nhanh giá trị theo thời gian. Thứ ba, ACB Đà Nẵng cần tăng cường công tác quản lý tài sản đảm bảo.

❖ *Xây dựng chính sách lãi suất hợp lý, cạnh tranh*

ACB Đà Nẵng cần xây dựng tốt hơn chính sách lãi suất dựa vào uy tín trả nợ của khách hàng, tính khả thi của phương án kinh doanh của doanh nghiệp vay vốn.

3.2.4. Nhóm giải pháp chuyển giao rủi ro tín dụng

❖ *Nâng cao hiệu quả phương thức bảo hiểm tín dụng*

Việc mua bảo hiểm tín dụng là một cách tốt để chuyển giao rủi ro, tổn thất sang người khác. Ngân hàng vừa trích lập dự phòng hợp lý, đồng thời kết hợp bảo hiểm tín dụng sẽ tạo phương án chuyển giao rủi ro hai lớp hiệu quả hơn.

❖ ***Chứng khoán hóa các khoản cho vay và các tài sản khác***

Đầu tư thông qua hoạt động chứng khoán hóa giúp NH đa dạng hóa, giảm rủi ro, giảm các chi phí đối với việc giám sát các khoản vay. Chứng khoán hóa cũng giúp NH tạo ra các tài sản có tính thanh khoản cao trên cơ sở những tài sản có tính thanh khoản kém, tạo cho NH một nguồn vốn mới từ các khoản cho vay của mình.

3.2.5. Nhóm giải pháp phân tán rủi ro tín dụng

❖ ***Tăng cường áp dụng hình thức cho vay đồng tài trợ***

Đối với những dự án quá lớn hoặc vượt quá khả năng huy động vốn và chấp nhận rủi ro tín dụng, ACB Đà Nẵng cần nghiên cứu triển khai triệt để phương thức vay vốn này trên cơ sở lựa chọn đối tác uy tín. Với hình thức này, ACB Đà Nẵng cùng với các NH bạn sẽ tránh được rủi ro tập trung vốn vào một đối tượng nào đó.

3.2.6. Nhóm các giải pháp hỗ trợ kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh

❖ ***Nâng cao chất lượng hiệu quả làm việc của CBTD***

❖ ***Áp dụng công nghệ vào công tác kiểm soát rủi ro tín dụng***

Bất kỳ hoạt động quản lý nào ngày nay cũng cần có sự hỗ trợ của công nghệ, kiểm soát rủi ro tín dụng cũng vậy. Nếu NH đầu tư hơn vào việc xây dựng các phần mềm, công nghệ hiện đại phục vụ cho công tác kiểm soát RRTD thì hiệu quả đạt được sẽ tăng lên.

❖ ***Nâng cao vai trò kiểm tra kiểm soát nội bộ***

Công tác kiểm soát nội bộ trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng là một công cụ vô cùng quan trọng. Thông qua hoạt động kiểm soát Ngân hàng có thể phát hiện, ngăn ngừa và chấn chỉnh những sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm soát cũng phát hiện và ngăn chặn kịp thời những rủi ro đạo đức do nhân viên tín dụng gây ra.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính phủ

Những thay đổi trong các chính sách của Nhà nước cần được công bố công khai rõ ràng và có khoản thời gian cần thiết để các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực liên quan chuyển đổi hoạt động.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh để khuyến khích sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của các NHTM.

Quy định về cơ sở pháp lý, xử lý tài sản bảo đảm là một trong những điều hết sức cần thiết hiện nay đối với các NH nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay.

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

Nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin tại trung tâm thông tin tín dụng của ngân hàng Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin đầy đủ, cập nhật về doanh nghiệp vay vốn.

Tăng cường vai trò quản lý của NHNN đối với hoạt động tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng của các NHTM, tăng cường hiệu quả thanh tra, kiểm soát nhằm hạn chế, phòng ngừa rủi ro tín dụng mang tính hệ thống trong các ngân hàng thương mại.

3.3.3. Đối với ngân hàng TMCP Á Châu Việt Nam

Ngân hàng TMCP Á Châu Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách phù hợp với thực tiễn và những thay đổi của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chính phủ ban hành liên quan đến thị trường tài chính – ngân hàng.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chấm điểm và xếp hạng khách hàng trên cơ sở đánh giá kết quả áp dụng trong thời gian qua, nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu tài chính và phi tài chính.

KẾT LUẬN

Với những khó khăn của nền kinh tế và cuộc khủng hoảng tài chính trên phạm vi toàn cầu, chất lượng tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu Việt Nam nói chung và chi nhánh Đà Nẵng nói riêng đã có những dấu hiệu giảm sút rõ rệt, tuy nhiên hiện nay đã và đang có dấu hiệu phục hồi dần. Do đó tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng thông qua việc nâng cao công tác kiểm soát RRTD trong cho vay nói chung và cho vay doanh nghiệp nói riêng là nhiệm vụ hàng đầu của ACB Đà Nẵng trong giai đoạn sắp tới.

Với mục tiêu hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Đà Nẵng, sau một quá trình nỗ lực học tập và nghiên cứu luận văn đã đạt được một số kết quả nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về cho vay DN, rủi ro trong cho vay doanh nghiệp, hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh, trên cơ sở đó đánh những mặt đạt được và còn hạn chế của hoạt động này.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Đà Nẵng.